

Bản tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH - KINH TẾ

- ☒ Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
- ☐ Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- ☐ Tin KINH TẾ VIỆT NAM
- ☐ Tin KINH TẾ QUỐC TẾ





NỘI DUNG CHÍNH

Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- Tổng quan thị trường
- Đồ thị một số chỉ báo phổ biến



Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

- Tỷ giá vẫn chưa hạ nhiệt dù lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh, NHNN sẽ ứng biến ra sao khi cuộc họp của FED đến gần?
- Tỷ giá USD cách đỉnh năm 2022 không xa, chuyên gia đánh giá NHNN nắm trong tay nhiều công cụ hơn
- Tín dụng kinh doanh bất động sản tăng mạnh, ngân hàng khẳng định vẫn rót vốn cho dự án tiềm năng

Tin KINH TẾ VIỆT NAM

- CPI tháng 10 tăng 0,08%, lạm phát cơ bản tăng 0,09% so với tháng 9
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 tăng 5,5% so với tháng 9

Tin KINH TẾ QUỐC TẾ

- Bộ trưởng Tài chính Janet Yellen: Kinh tế Mỹ đang 'hạ cánh mềm'
- Thuốc đo lạm phát ưa thích của FED tăng mạnh nhất 4 tháng

Bảng chỉ số

(Thứ Hai, ngày 30/10/2023)



Chứng khoán

VN - INDEX	1,060.62	↑	0.49%
HNX - INDEX	218.04	↑	1.42%
DOWN JONES INDUS	32,417.59	↓	-1.12%
EURO STOXX 50 PR	4,014.36	↓	-0.87%
CSI 300 INDEX	3,562.39	↑	1.37%

Vàng (SJC cập nhật 08h30)

SJC (Ng.đ/Lượng)	70.800	↑	0.07%
Quốc tế (USD/Oz)	2,005.6	↑	1.06%

Tỷ giá (USD/VND cập nhật 08h30)

USD/VND (BQ LNH)	24.097	↓	-0.04%
DX1	106.65	↑	0.03%
EUR/USD	1.0557	↓	-0.03%
USD/JPY	149.76	↓	-0.41%
USD/CNY	7.3173	↑	0.01%

Hàng hóa

Dầu thô WTI (USD/th)	84.61	↑	1.16%
----------------------	-------	---	-------

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG



- Chỉ số USD Index (DXY) đứng ở mức 106.58. Trong ba tuần qua chỉ số DXY dao động trong khoảng từ 105.35 đến 106.9. Lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm của Mỹ đang ở mức 4.83%, và đang chật vật để có thể vượt qua mốc quan trọng 5%. Lợi suất chạm mức 5.02% vào tuần trước và đã giảm từ mức đó.



- Giá vàng thế giới rạng sáng ngày đầu tuần có xu hướng giảm với vàng giao ngay giảm 2.3 USD so với mức chốt phiên giao dịch tuần trước xuống còn 2,003.3 USD/ounce. Tuy nhiên vàng tiếp tục giữ được đà tăng khi được hỗ trợ bởi tâm lý e ngại rủi ro ngày càng gia tăng trong bối cảnh cuộc xung đột đang diễn ra ở Trung Đông.

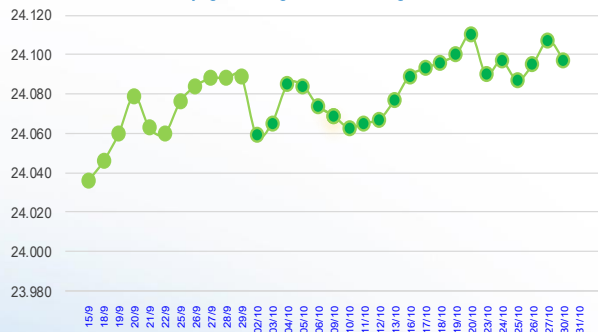


- Giá dầu WTI của Mỹ giảm 1.37 USD, #1.6%, xuống mức 84.17 USD/thùng. Giá dầu đã lao dốc khi các nỗ lực ngoại giao ở Trung Đông được tăng cường nhằm ngăn xung đột Israel - Hamas leo thang. Triển vọng nhu cầu năng lượng yếu sau các dữ liệu kinh tế yếu từ khu vực đồng Euro và bảng Anh và Israel đồng ý hoãn cuộc tấn công trên bộ cho đến hết tuần.

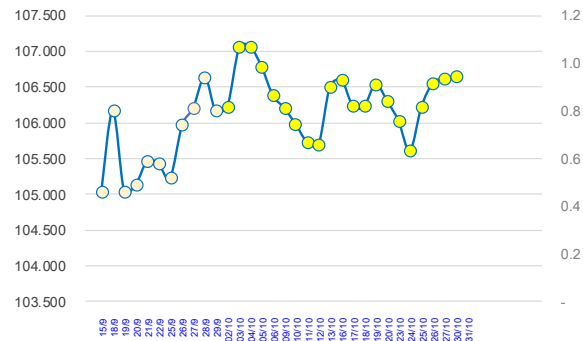
ĐỒ THỊ MỘT SỐ CHỈ BÁO PHỔ BIẾN



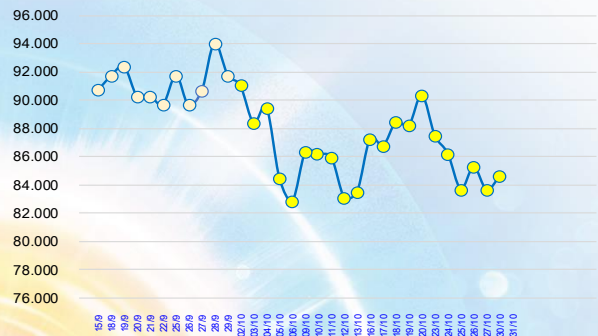
Tỷ giá trung tâm - Tháng 10/2023



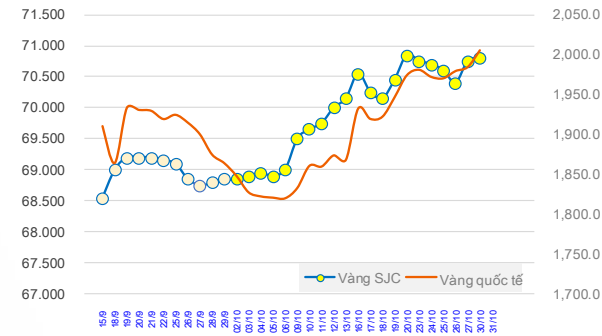
Chỉ số DXY - Tháng 10/2023



Giá dầu thô - Tháng 10/2023



Giá vàng - Tháng 9/2023



Tỷ giá vẫn chưa hạ nhiệt dù lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh, NHNN sẽ ứng biến ra sao khi cuộc họp của FED đến gần?



Sau giai đoạn tương đối ổn định trong nửa đầu năm, tỷ giá USD/VND đã có những biến động khá mạnh trong Q.III. Đến cuối tháng 9, giá USD tại nhiều ngân hàng (NH) đã chạm mốc 24.600 VND ở chiều bán ra, **↑#3,7%** sv đầu năm và còn cách 1,1% sv mức đỉnh thiết lập vào Q.IV/2022. Trước bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã thực hiện việc phát hành tín phiếu 28 ngày nhằm hút bớt lượng tiền VND dư thừa trên thị trường, nhằm mục đích tăng lãi suất (LS) ngắn hạn trên thị trường này. Từ đó, chênh lệch LS giữa USD và VND được thu hẹp lại, khiến các NH không có động lực đầu cơ USD ở trạng thái lớn, giảm áp lực lên tỷ giá. LS liên NH dù đã hạ nhiệt trong 2 phiên gần đây nhưng vẫn cao gấp cả chục lần sv cuối tháng 9. Theo ACBS, LS VND trên thị trường liên NH đã bắt đầu tiệm cận LS huy động tiết kiệm kỳ hạn 1-3 tháng trên thị trường 1. Do đó, nếu mức LS này tăng thêm nữa, và duy trì 1 thời gian, sẽ có thể thúc đẩy các NH quay trở lại tăng LS huy động tiết kiệm, từ đó tạo ra hiệu ứng "domino" trên hệ thống. Trong khi đó, tỷ giá đã tăng mạnh trong thời gian qua và chỉ còn cách đỉnh 24.888 VND/USD năm 2022 không xa. Vì vậy, bất kỳ 1 sự biến động tăng nào của LS hoặc tỷ giá trong những ngày tới, cũng có thể dẫn tới việc NHNN sẽ áp dụng thêm các chính sách mới nhằm đạt được mục tiêu ổn định và cân bằng. VDSC giữ nguyên quan điểm về tỷ giá sẽ biến động quanh vùng 24.500 VND/USD và giảm trở lại vào cuối năm. Tuy nhiên, rủi ro đối với dự báo là USD tăng vượt ngưỡng 110, dẫn đến việc NHNN phải bán bớt dự trữ ngoại hối để đối phó với việc VND mất giá mạnh hơn.

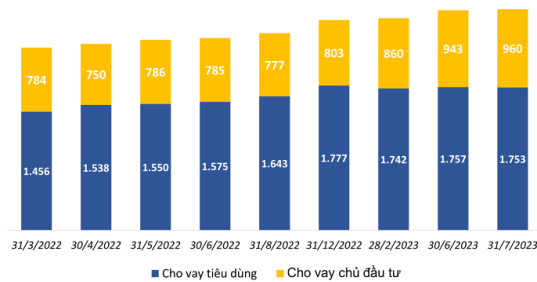
Tỷ giá USD cách đỉnh năm 2022 không xa, chuyên gia đánh giá NHNN nắm trong tay nhiều công cụ hơn



Tỷ giá VND/USD đang tiến đến mức đỉnh 24.888 VND ghi nhận vào cuối năm 2022 mặc dù cung/cầu ngoại tệ không có nhiều áp lực và biến động trên thị trường tự do cũng cho thấy nhu cầu tiền USD từ cá nhân trong nước không có sự đột biến. Bình luận về diễn biến này, TS. Phạm Xuân Hoè, nguyên Phó Viện trưởng Viện Chiến lược NH NHNN cho rằng, tỷ giá vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát, dao động 4% sv đầu năm là có thể chấp nhận được. Có 3 lý do khiến NHNN có thể giữ tỷ giá biến động trong vùng này, bao gồm: (i) Để hỗ trợ hàng xuất khẩu; (ii) Cán cân thương mại hàng hoá của Việt Nam (VN) vẫn thặng dư rất lớn, NHNN cũng duy trì sức mua USD để tăng dự trữ quốc gia; (iii) Vốn giải ngân FDI và cán cân vốn cũng tăng tốt sv 2022 cho thấy dòng vốn ngoại vẫn vào VN. Đây là những yếu tố tương đối sáng củng cố niềm tin trong việc điều hành chính sách tiền tệ của VN. "Với việc kiểm soát thị trường của NHNN và quỹ dự trữ ngoại hối và cán cân thương mại thặng dư như vậy thì không cần quá lo ngại v/v tỷ giá tăng quá cao". NHNN phải quản lý và điều hành tỷ giá liên NH cao lên để giảm bớt áp lực đầu cơ ngoại tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường ngoại hối. Đặc biệt, trong trường hợp nguy cấp, NHNN có thể áp dụng các biện pháp hành chính như kết hối chẳng hạn để xử lý vấn đề của tỷ giá.

Tín dụng kinh doanh BĐS tăng mạnh, ngân hàng khẳng định vẫn rót vốn cho dự án tiềm năng

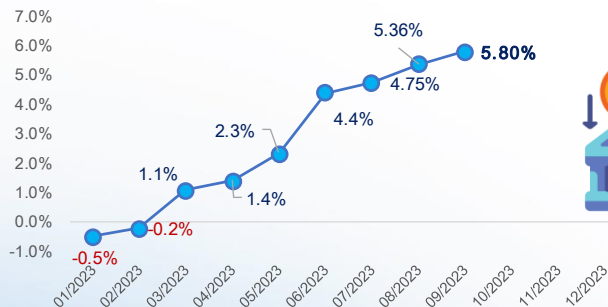
DƯ NỢ TÍN DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN
(Nghìn tỷ đồng)



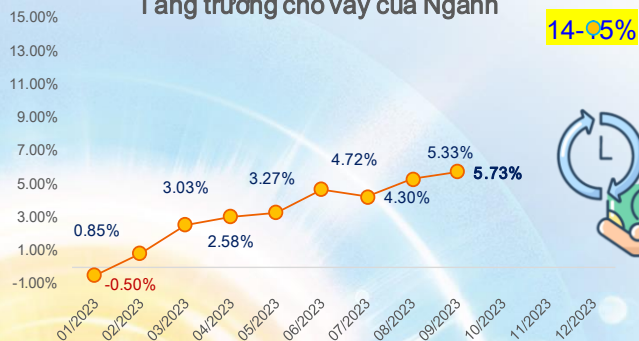
Tín dụng kinh doanh bất động sản (BDS) hết 8 tháng đã vượt xa tốc độ **↑10,73%** của cả năm 2022 là con số bất ngờ được công bố mới đây. Khảo sát báo cáo tài chính Q.III/2023 của nhiều NH cho thấy, dư nợ tín dụng cho vay kinh doanh BĐS tăng mạnh sv đầu năm... Nhìn ở khía cạnh vĩ mô về nhu cầu của thị trường BĐS, nhu cầu nhà ở của người dân vẫn rất lớn. Tỷ lệ % có sở hữu nhà ở của người VN sv các nước trong khu vực còn rất thấp. Do đó, dư địa phát triển thị trường BĐS còn rất lớn. NH tăng cho vay chủ đầu tư BĐS trong bối cảnh thanh khoản thị trường vẫn tắc, thị trường trái phiếu còn nhiều khó khăn, áp lực đáo hạn vẫn lớn và các chủ đầu tư đang phải vật lộn với bài toán dòng tiền... Trong Công điện ban hành ngày 24/10, Thủ tướng Chính phủ nhận định, thị trường BĐS vẫn còn 1 số khó khăn. Để tiếp tục thúc đẩy thị trường BĐS phát triển, Thủ tướng yêu cầu Thống đốc NHNN chỉ đạo các NH thương mại tiếp tục thúc đẩy việc cho vay tín dụng với lĩnh vực BĐS, có giải pháp phù hợp tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng LS. Đồng thời tiếp tục rà soát cắt giảm hơn nữa các thủ tục hành chính không phù hợp, gây phiền hà, tốn kém để doanh nghiệp, dự án BĐS và người mua nhà tiếp cận được nguồn vốn tín dụng thuận lợi hơn. Có chính sách khuyến mại tín dụng đặc biệt dành cho các dự án BĐS khả thi, tiến độ triển khai nhanh, tạo động lực cho tăng trưởng và thúc đẩy thị trường BĐS...

BIỂU ĐỒ HUY ĐỘNG, CHO VAY, TỶ GIÁ, LÃI SUẤT

Tăng trưởng huy động của Ngành



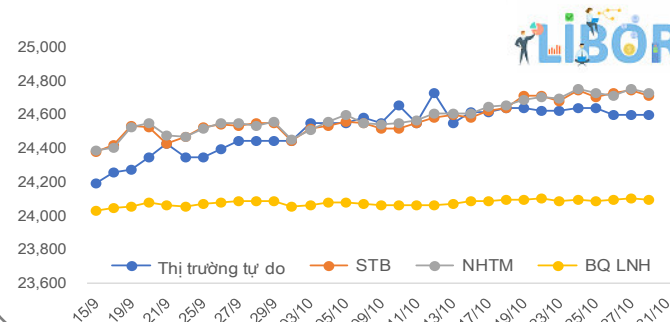
Tăng trưởng cho vay của Ngành



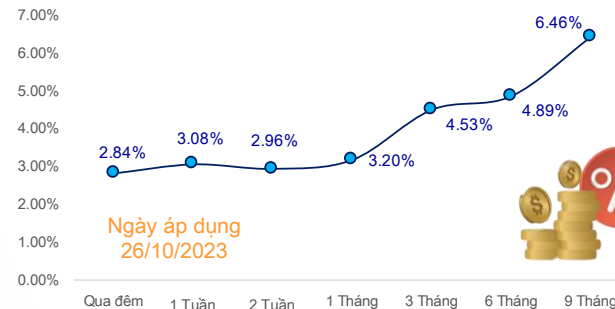
14-15%



Tỷ giá liên ngân hàng tháng 10/2023



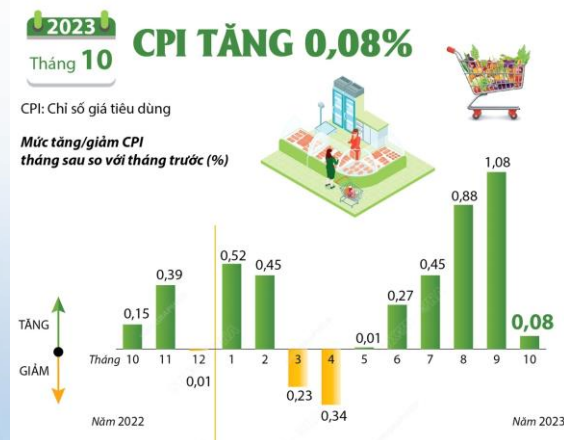
Lãi suất bình quân liên ngân hàng



Ngày áp dụng
26/10/2023



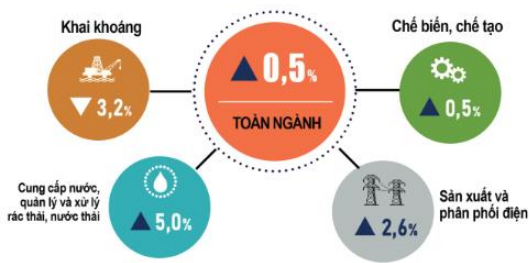
CPI tháng 10 tăng 0,08%, lạm phát cơ bản tăng 0,09% so với tháng 9



Theo Tổng cục Thống kê, CPI tháng 10 $\uparrow 0,08\%$ sv tháng 9. Sv tháng 12/2022, CPI tháng 10 $\uparrow 3,2\%$ và $\uparrow 3,59\%$ nếu sv cùng kỳ 2022. Bình quân (BQ) 10 tháng, CPI $\uparrow 3,2\%$ sv cùng kỳ 2022; lạm phát cơ bản $\uparrow 4,38\%$. Nguyên nhân CPI tăng được cho là do 1 số địa phương thực hiện tăng học phí, giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu. Theo đó, trong mức $\uparrow 0,08\%$ của CPI tháng 10 sv tháng 9, có 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 2 nhóm hàng có chỉ số giá giảm. 9 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm: Nhóm giáo dục tăng cao nhất với $\uparrow 2,25\%$ (làm CPI chung $\uparrow 0,14$ điểm %). Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng $\uparrow 0,27\%$ (làm CPI chung $\uparrow 0,05$ điểm %). Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác $\uparrow 0,21\%$. Nhóm đồ uống và thuốc lá $\uparrow 0,15\%$. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép $\uparrow 0,12\%$. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống $\uparrow 0,06\%$. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình $\uparrow 0,03\%$. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch $\uparrow 0,02\%$. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế $\uparrow 0,02\%$. Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm bưu chính viễn thông $\downarrow 0,11\%$. Nhóm giao thông $\downarrow 1,51\%$ (làm CPI chung $\downarrow 0,15$ điểm %). lạm phát cơ bản tháng 10 $\uparrow 0,09\%$ sv tháng 9, $\uparrow 3,43\%$ sv cùng kỳ 2022. BQ 10 tháng, lạm phát cơ bản $\uparrow 4,38\%$ sv cùng kỳ 2022, cao hơn mức tăng CPI BQ chung ($\uparrow 3,2\%$). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 10 tháng $\downarrow 13,24\%$ sv cùng kỳ 2022, giá gas $\downarrow 8,55\%$ là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 tăng 5,5% so với tháng 9

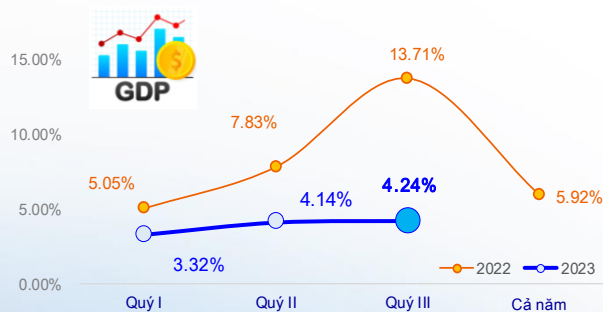
Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước



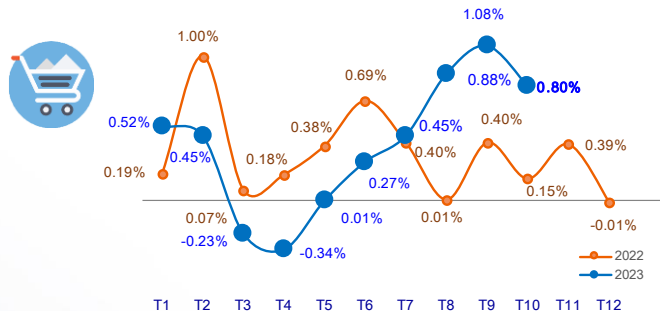
Theo Tổng cục Thống kê, sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 10 tiếp tục xu hướng tích cực, ước tính chỉ số IIP tháng 10 **▲5,5%** sv tháng 9 và **▲4,1%** sv cùng kỳ 2022. Cụ thể trong tháng 10, sv cùng kỳ 2022, ngành chế biến, chế tạo **▲4,9%**; ngành khai khoáng **▼5,7%**; ngành sản xuất (SX) và phân phối điện **▲5,6%**; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải **▲5,2%**. Tính chung 10 tháng, IIP ước tính **▲0,5%** sv cùng kỳ 2022 (cùng kỳ 2022 **▲8,9%**). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo **▲0,5%** (cùng kỳ 2022 **▲9,5%**), đóng góp 0,7 điểm % vào mức tăng chung; ngành SX và phân phối điện **▲2,6%**, đóng góp 0,2 điểm %; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải **▲5%**, đóng góp 0,1 điểm %; ngành khai khoáng **▼3,2%**, làm **▼0,5** điểm % trong mức tăng chung. Chỉ số SX 10 tháng của 1 số ngành công nghiệp trọng điểm cấp 2 tăng cao sv cùng kỳ 2022: SX sản phẩm từ cao su và plastic **▲9,5%**; SX sản phẩm thuốc lá **▲9,1%**; SX sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) **▲8,7%**; khai thác quặng kim loại **▲6,3%**; SX chế biến thực phẩm **▲6,1%**; SX hoá chất và sản phẩm hoá chất **▲5,9%**; khai thác, xử lý và cung cấp nước **▲5,3%**. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của 1 số ngành giảm: SX phương tiện vận tải khác **▼7,3%**; SX xe có động cơ **▼4,1%**; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên **▼4%**; SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác **▼3,7%**; SX giấy và sản phẩm từ giấy **▼2,7%**; chế biến gỗ và SX sản phẩm từ gỗ, tre, nứa sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện **▼2,5%**...

BIỂU ĐỒ MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ

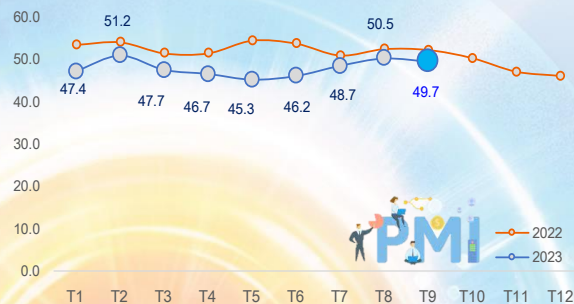
GDP năm 2022 - 2023



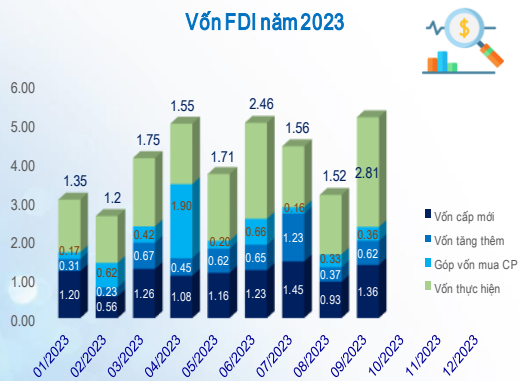
CPI năm 2022-2023



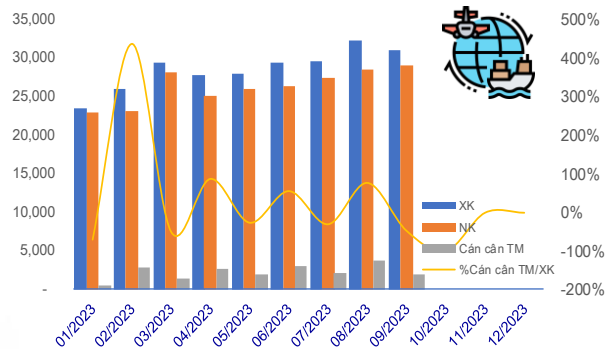
PMI năm 2022-2023



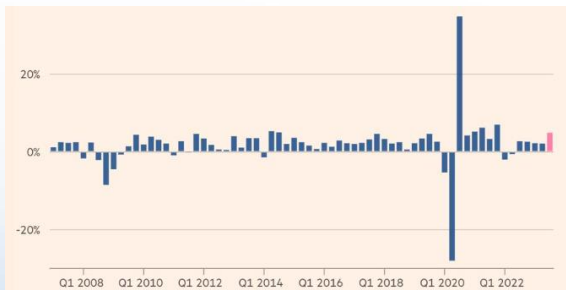
Vốn FDI năm 2023



Xuất - Nhập khẩu năm 2023



Bộ trưởng Tài chính Janet Yellen: Kinh tế Mỹ đang 'hạ cánh mềm'



Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm tính theo tăng quý của Mỹ. Đơn vị: % - Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ/FT.

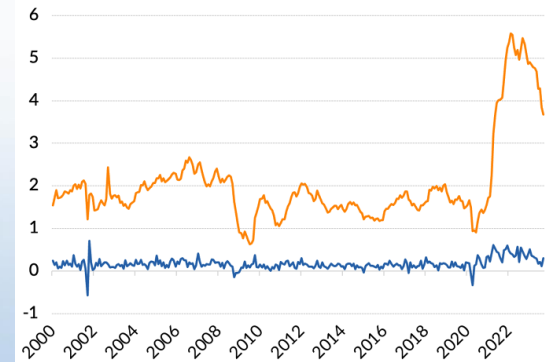
Ngày 26/10, Bộ trưởng Tài chính Mỹ nhận định, tăng trưởng KT Q.III của Mỹ ở mức #5% là “1 con số khả quan” cho thấy khả năng KT đang “hạ cánh mềm”. Tuy nhiên, số liệu này có thể góp phần khiến lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) dài hạn tiếp tục tăng lên. Nền KT Mỹ đã phục hồi mạnh mẽ trong Q.III, với GDP ▲4,9%, mức cao nhất kể từ Q.IV/2021, nhờ chi tiêu tiêu dùng mạnh mẽ và thị trường lao động vững chắc, bất chấp LS và áp lực lạm phát vẫn ở mức cao. Sự tăng mạnh của lợi suất TPCP dài hạn thời gian gần đây cho thấy niềm tin vào nền KT Mỹ và những đồn đoán rằng LS sẽ được duy trì ở mức cao trong thời gian lâu hơn. Trả lời phỏng vấn Bloomberg, bà Yellen dự đoán, lợi suất TPCP dài hạn có thể giảm xuống trong những năm tới. Bà bác bỏ ý kiến cho rằng lợi suất trái phiếu tăng là do lo ngại về sự gia tăng thâm hụt ngân sách của Mỹ hay khả năng suy thoái KT. Ngược lại, đây chắc chắn là 1 biểu hiện quan trọng của 1 nền KT vững mạnh. Ngân sách liên bang đã thâm hụt 1.700 tỷ USD trong tài khóa 2023, mức thâm hụt cao nhất, không tính khoảng thời gian xảy ra đại dịch Covid-19. Bà nhận định gánh nặng trả nợ của Mỹ sẽ trở thành 1 thách thức lớn hơn nếu lộ trình LS vẫn tiếp tục tăng. Chi phí lãi vay thực tế của chính phủ liên bang vẫn đang ở mức #1% GDP, mức vẫn nằm trong tầm kiểm soát.

Thước đo lạm phát ưa thích của FED tăng mạnh nhất 4 tháng

% tăng/giảm chỉ số PCEPI lõi, T1/2000 - T9/2023

— so với tháng trước

— so với cùng kỳ năm trước



Theo Bộ Thương mại Mỹ, chỉ số giá chi tiêu tiêu dùng cá nhân lõi (PCEPI lõi) tháng 9 $\uparrow$ 0,3% sv tháng 10. PCEPI lõi là thước đo lạm phát ưa thích của FED, không tính giá năng lượng và thực phẩm dễ biến động. Đây là mức tăng mạnh nhất 4 tháng qua. Trong khi đó, khi sv cùng kỳ 2022, PCEPI lõi $\uparrow$ 3,7%, thấp hơn số liệu tháng 8 #0,1 điểm %. Nếu bao gồm giá năng lượng và thực phẩm, PCEPI toàn phần $\uparrow$ 0,4% sv tháng 8 và 3,4% sv cùng kỳ 2022, cả hai đều giống kết quả của tháng 8. Ngay cả khi giá cả gia tăng, chi tiêu cá nhân của người tiêu dùng vẫn mạnh lên. Sv tháng 8, thước đo này $\uparrow$ 0,7% trong tháng 9. Ngoài ra, thu nhập cá nhân của người dân $\uparrow$ 0,3% sv tháng 8, thấp hơn 0,1 điểm % so với dự báo. FED thường tập trung vào lạm phát lõi vì số liệu này cung cấp bức tranh tổng quát hơn về xu hướng của giá cả trong dài hạn. Lạm phát tính theo PCEPI lõi đạt đỉnh 5,6% vào tháng 6/2022 và đang trên đà hạ nhiệt kể từ đó, dù vẫn cao hơn nhiều sv mục tiêu 2% của FED. Theo Bloomberg, trong bối cảnh nền KT Mỹ vừa bước vào Q.IV, áp lực lạm phát phình to và nhu cầu tiêu dùng tiếp tục ổn định có thể buộc FED phải tăng LS nhiều hơn. Trong khi hầu hết các nhà KT dự đoán chi tiêu của người tiêu dùng sẽ chậm lại trong những tháng tới, giới chức FED lại cảnh báo rằng dữ liệu mạnh lên có thể buộc họ phải tiếp tục thắt chặt chính sách. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách nhiều khả năng sẽ giữ nguyên LS tại cuộc họp vào đầu tuần tới. Việc lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm tăng mạnh, có lúc vượt mức 5% trong tuần này, khiến FED trở nên thận trọng hơn.

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI – VIỆT NAM

	2023	2024
World Bank	2,1%	2,4%
IMF	2,8%	
OECD	2,7%	
UNCTAD	2,4%	



	2023	2024
World Bank	4,7%	5,4%
ADB	5,8%	6,0%
OECD	4,9%	5,9%
IMF	4,7%	5,8%
UOB	5,0%	6,0%
HSBC	5,0%	
Standard Chartered Bank	5,0%	6,7%
VNDirect	5,5%	

Cập nhật theo dự báo mới nhất của các tổ chức



WEBSITE THAM KHẢO

Bảng chỉ số

<https://www.hsx.vn/>
<https://hnx.vn/vi-vn/hnx.html>
<https://www.bloomberg.com/markets/stocks>
<https://goldprice.org/vi>
<http://www.sjc.com.vn/>
https://www.sbv.gov.vn/TyGia/faces/TyGia.jspx?_afWindowMode=0&_afLoop=204578547549285777&_adf.ctrl-state=1a9g0kizgf_4

Tin Tài chính Ngân hàng

<https://vietnambiz.vn/tin-dung-kinh-doanh-bat-dong-san-tang-manh-ngan-hang-khang-dinh-van-rot-von-cho-du-an-tiem-nang-20231029173638176.htm>
<https://cafef.vn/ty-gia-van-chua-ha-nhiệt-du-lai-suất-liên-ngân-hàng-tang-manh-nhnn-se-ung-bien-ra-sao-khi-cuoc-hop-cua-fed-den-gan-18823103007343849.chn>
<https://vietnambiz.vn/ty-gia-usd-cach-dinh-nam-2022-khong-xa-chuyen-gia-danh-gia-nhnn-nam-trong-tay-nhieu-cong-cu-hon-2023102984457906.htm>

Tin Kinh tế Việt Nam

<https://vietstock.vn/2023/10/cpi-thang-102023-tang-008-lam-phat-co-ban-tang-009-so-voi-thang-truoc-761-1118229.htm>
<https://vietstock.vn/2023/10/chi-so-san-xuat-cong-nghiep-thang-102023-tang-55-so-voi-thang-truoc-761-1118230.htm>

Tin Kinh tế quốc tế

<https://vietstock.vn/2023/10/bo-truong-tai-chinh-janet-yellen-kinh-te-my-dang-ha-canh-mem-775-1117864.htm>
<https://vietnambiz.vn/thuoc-do-lam-phat-ua-thich-cua-fed-tang-manh-nhat-trong-4-thang-20231027195946688.htm>

